

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 1**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Chân trời sáng tạo**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số “Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu” viết là:

- A. 70 326 B. 27 306 C. 72 306 D. 62 307

Câu 2. Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

- A. 4 tháng B. 5 tháng C. 7 tháng D. 8 tháng

Câu 3. Trong các số dưới đây, số lớn nhất là:

- A. 68 409 B. 67 934 C. 66 804 D. 68 712

Câu 4. Chữ số 8 trong số 48 135 có giá trị là:

- A. 8 000 B. 8 135 C. 800 D. 80

Câu 5. Mẹ mua 8 quả cam và ép tất cả lấy nước. Mỗi quả cam sau khi ép cho khoảng 150 ml nước cam. Mẹ rót lượng nước cam ép vào đầy 3 chiếc cốc. Vậy lượng nước cam có trong mỗi cốc là:

- A. 400 ml B. 800 ml C. 1200 ml D. 600 ml

Câu 6. Mẹ mua cho Huyền một quyển truyện giá 25 000 đồng và một cái bút chì giá 7 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng một tờ giấy bạc 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng cần trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

- A. 32 000 đồng B. 28 000 đồng
C. 15 000 đồng D. 18 000 đồng

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

54 275 + 22 107

75 362 – 24 935

21 817 x 3

23 436 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị biểu thức:

a) $(8\ 370 - 4\ 525) : 5$

b) $45\ 138 + 29\ 648 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều dài 105 m và chiều rộng bằng 68 m. Tính chu vi của sân bóng đá đó?

Câu 4. Một công ty thiết bị y tế lần thứ nhất đã nhập về 25 300 chiếc khẩu trang, lần thứ hai nhập ít hơn lần thứ nhất 8 600 chiếc khẩu trang. Hỏi cả hai lần công ty đã nhập về bao nhiêu chiếc khẩu trang.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số “Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu” viết là:

- A. 70 326 B. 27 306 C. 72 306 D. 62 307

Phương pháp

Để đọc số có năm chữ số, ta đọc lần lượt từ hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị từ trái sang phải.

Cách giải

Số “Bảy mươi hai nghìn ba trăm linh sáu” đọc là 72 306.

Chọn C.

Câu 2. Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

- A. 4 tháng B. 5 tháng C. 7 tháng D. 8 tháng

Phương pháp

Em có thể xác định các tháng có 31 ngày dựa theo các khớp lồi trên 2 bàn tay, đếm lần lượt từ tay trái đến tay phải, từ tháng 1 đến tháng 12.

Cách giải

Trong một năm có 7 tháng có 31 ngày là tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12

Chọn C.

Câu 3. Trong các số dưới đây, số lớn nhất là:

A. 68 409

B. 67 934

C. 66 804

D. 68 712

Phương pháp

So sánh các số đã cho rồi kết luận.

Cách giải

Ta có $66\ 804 < 67\ 934 < 68\ 409 < 68\ 712$

Vậy số lớn nhất là 68 712

Chọn D.

Câu 4. Chữ số 8 trong số 48 135 có giá trị là:

A. 8 000

B. 8 135

C. 800

D. 80

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 8 từ đó chọn đáp án thích hợp.

Cách giải

Chữ số 8 trong số 48 135 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 8 000.

Chọn A.

Câu 5. Mẹ mua 8 quả cam và ép tất cả lấy nước. Mỗi quả cam sau khi ép cho khoảng 150 ml nước cam. Mẹ rót lượng nước cam ép vào đầy 3 chiếc cốc. Vậy lượng nước cam có trong mỗi cốc là:

A. 400 ml

B. 800 ml

C. 1200 ml

D. 600 ml

Phương pháp

- Tìm số mi-li-lít ép được từ 8 quả cam

- Tìm số mi-li-lít nước cam ở mỗi cốc

Cách giải

Số mi-li-lít nước cam ép được từ 8 quả cam là

$$150 \times 8 = 1\ 200 \text{ (ml)}$$

Lượng nước cam có trong mỗi cốc là

$$1\ 200 : 3 = 400 \text{ (ml)}$$

Đáp số: 400 ml

Chọn A.

Câu 6. Mẹ mua cho Huyền một quyển truyện giá 25 000 đồng và một cái bút chì giá 7 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng một tờ giấy bạc 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng cần trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

A. 32 000 đồng

B. 28 000 đồng

C. 15 000 đồng

D. 18 000 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền mẹ mua tất cả = Giá tiền quyển truyện + giá tiền cái bút

- Tìm số tiền được trả lại = Số tiền mẹ đưa cô bán hàng - số tiền mẹ mua tất cả

Cách giải

Số tiền mẹ mua quyển truyện và cái bút chì là

$$25\ 000 + 7\ 000 = 32\ 000 \text{ (đồng)}$$

Cô bán hàng cần trả lại mẹ số tiền là

$$50\ 000 - 32\ 000 = 18\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 18 000 đồng

Chọn D.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

$$54\ 275 + 22\ 107$$

$$75\ 362 - 24\ 935$$

$$21\ 817 \times 3$$

$$23\ 436 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.
- Nhân lần lượt thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất, lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải

Cách giải

$$\begin{array}{r} 54\ 275 \\ + 22\ 107 \\ \hline 76\ 382 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75\ 362 \\ - 24\ 935 \\ \hline 50\ 427 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21\ 817 \\ \times 3 \\ \hline 65\ 451 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23\ 436 \overline{) 3} \\ 24 \overline{) 7812} \\ \underline{03} \\ 06 \\ \underline{0} \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị biểu thức:

a) $(8\ 370 - 4\ 525) : 5$

b) $45\ 138 + 29\ 648 : 4$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép ở trong ngoặc trước
- Với biểu thức có chứa phép chia và phép cộng, ta thực hiện phép chia trước

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } (8\ 370 - 4\ 525) : 5 &= 3\ 845 : 5 \\ &= 769 \end{aligned}$$

$$\text{b) } 45\ 138 + 29\ 648 : 4 = 45\ 138 + 7\ 412$$

$$= 52\,550$$

Câu 3. Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều dài 105 m và chiều rộng bằng 68 m. Tính chu vi của sân bóng đá đó?

Phương pháp

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Cách giải

Chu vi của sân bóng đá là

$$(105 + 68) \times 2 = 346 \text{ (m)}$$

Đáp số: 346 m

Câu 4. Một công ty thiết bị y tế lần thứ nhất đã nhập về 25 300 chiếc khẩu trang, lần thứ hai nhập ít hơn lần thứ nhất 8 600 chiếc khẩu trang. Hỏi cả hai lần công ty đã nhập về bao nhiêu chiếc khẩu trang.

Phương pháp

- Tìm số chiếc khẩu trang nhập về lần thứ hai = Số chiếc khẩu trang nhập lần thứ nhất – 8 200

- Tìm số chiếc khẩu trang nhập về cả 2 lần

Cách giải

Số chiếc khẩu trang nhập về lần thứ hai là

$$25\,300 - 8\,600 = 16\,700 \text{ (chiếc)}$$

Cả hai lần công ty đã nhập về số chiếc khẩu trang là

$$25\,300 + 16\,700 = 42\,000 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 42 000 chiếc khẩu trang